

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/DS-PT

Ngày: 27-6-2024

V/v “*Yêu cầu chia tài sản chung của hộ
gia đình và chia thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần M Quang;

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng và ông Lê Trúc Lâm;

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về “*Yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2024/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công M, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Công R, sinh năm 1991; cùng nơi cư trú: Thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Hương Quê – Luật sư Công ty TNHH MTV Phúc Luật; địa chỉ: 03 Mậu Thân, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; có đơn xin vắng mặt.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Phú Hòa;

- Bà Phạm Thị Nhị, sinh năm 1940; nơi cư trú: Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Ông Nguyễn Văn Bảy, sinh năm 1942, bà Nguyễn Thị Bứa, sinh năm 1954, ông Nguyễn Ngọc Toàn, sinh năm 1972; cùng nơi cư trú: Thôn Ngân Điền, xã S Hà, huyện S Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Bà Nguyễn Thị Em, sinh năm 1940; nơi cư trú: Thôn Định Thành, xã Hòa Định Đông, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Ông Nguyễn Văn Tư, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khu phố Tịnh S, thị trấn Củng S, huyện S Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Bà Võ Thị Quế, sinh năm 1949, ông Nguyễn Ngọc Thùy, sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên, sinh năm 1974; cùng nơi cư trú: Thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Út, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Tân Thành, xã Suối Bạc, huyện S Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyên, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Át Đạt, xã Lợi Hải, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền các ông, bà: Bà Nhị, ông Bảy, bà Búa, ông Toàn, bà Em, ông Tư, bà Quế, ông Thùy, bà Quyên, bà Út, bà Tuyên: Là ông Nguyễn Công M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Bà Đỗ Thị Thâm, sinh năm 1960;

- Vợ chồng ông Trương Văn Thành, sinh năm 1974 và bà Đoàn Thị Thanh, sinh năm 1974;

- Ông Lương Như Long và bà Lương Thị Xa; cùng nơi cư trú: Thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Tất cả đều vắng mặt.

3/ *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Công M và Nguyễn Công R.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Công M và ông Nguyễn Công R trình bày:

Cha mẹ của các ông là ông Nguyễn Công S và bà Trương Thị Nhạn (*bà Nhạn chết năm 2000*) có 02 người con là Nguyễn Công M, sinh năm 1984 và Nguyễn Công R, sinh năm 1991, đều trú tại: Thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Khi cha mẹ các ông còn sống được Nhà nước cân đối cấp quyền sử dụng đất đối với các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 215, tờ bản đồ số 326-B diện tích 80m² đất ở và 123m² đất thửa số 221- a, tờ bản đồ số 326 - B;

- Thửa số 731, tờ bản đồ số 302C diện tích 376m²; thửa số 696, tờ bản đồ số 302C diện tích 980m²; thửa số 340b, tờ bản đồ số 326A diện tích 418m²; thửa số 57a, tờ bản đồ số 326A diện tích 166m².

Tất cả tọa lạc tại: thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Tại thời điểm cấp đất, hộ ông Nguyễn Công S có 05 nhân khẩu gồm: ông Nguyễn Công S, bà Trương Thị Nhận (*chết năm 2000*), bà Phạm Thị Cầu (*bà Cố Nội của nguyên đơn chết năm 2006*), ông Nguyễn Công M và ông Nguyễn Công R. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Nguyễn Công S, bà Trương Thị Nhận, ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Công R có chuyển nhượng một số diện tích đất cho các hộ như sau:

- Chuyển nhượng cho ông Trương Văn Thành và bà Đoàn Thị Thanh Yên 40m² đất ở tại thửa đất số 215 và 56m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa 221-a, tờ bản đồ số 326-B (*Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2014/DS-ST ngày ngày 21/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa*);

- Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Thùy diện tích 418m² tại thửa đất số 340-b, tờ bản đồ số 326-A (*Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2015/DSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa*).

- Nhà nước thu hồi đất để làm khu công nghiệp: 166m² tại thửa đất số 57-a, tờ bản đồ số 326-A.

Các thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tuy Hòa (*cũ*) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G562897, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02751/QSDĐ, ngày 20/02/1998 đứng tên ông Nguyễn Công S. Riêng diện tích 80m² đất ở tại thửa đất số 215, tờ bản đồ số 326-B chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tất cả diện tích đất này hiện nay do ông Nguyễn Công S quản lý và sử dụng. Nay các ông M, ông R khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình cho các thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Nguyễn Công S, bà Trương Thị Nhận, bà Phạm Thị Cầu, ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Công R; chia di sản thừa kế của mẹ (*Trương Thị Nhận chết năm 2000*) trong khối tài sản chung này, gồm: Diện tích 40m² đất ở tại thửa đất số 215, tờ bản đồ số 326-B; diện tích 167m² tại thửa đất số 221-a, tờ bản đồ số 326-B; diện tích 376m², thửa đất số 731, tờ bản đồ số 302-C; diện tích 896m², thửa đất số 696, tờ bản đồ số 303-C theo quy định pháp luật và được các người thừa kế của bà Phạm Thị Cầu ủy quyền yêu cầu chia di sản của bà Cầu trong phần diện tích 167m² tại thửa đất số 221-a, tờ bản đồ số 326-B. Đối với tài sản trên đất, nguyên đơn không yêu cầu chia và thống nhất tài sản theo biên bản định giá tài sản ngày 15/3/2019.

Bị đơn ông Nguyễn Công S trình bày:

Đối với diện tích đất ở 40m² có nguồn gốc của cha mẹ ông S, năm 1988 bà Phạm Thị Cầu (*bà nội ông S*), bà Nguyễn Thị Bem (*cô ruột ông S*) thống nhất giao lại diện tích đất này cho ông S, ông S có trách nhiệm thôi lại cho ông Nguyễn Văn Tư (*em ruột ông S*) 02 chỉ vàng y vào năm 1993, nên diện tích đất này là của riêng ông S. Đối với các diện tích đất được Nhà nước cấp cho hộ gia đình 2.063m², gồm 05 nhân khẩu, mỗi khẩu được nhận 412,6m², trong quá trình chung sống đã phân chia như sau:

- Phần bà Phạm Thị Cầu đã chuyển nhượng tặng cho ông Nguyễn Ngọc Thùy diện tích 418m², thửa đất số 340b, tờ bản đồ số 326-A để ông Nguyễn Ngọc Thùy có trách nhiệm thờ cúng bà Cầu.

- Phần đất của bà Trương Thị Nhận, Nguyễn Công M, Nguyễn Công S đã giao cho M, ông S sử dụng 896m² tại thửa đất số 696, tờ bản đồ số 303-C, chuyển nhượng cho ông Trương Văn Thành, bà Đoàn Thị Thanh Yên 56m² đất hàng năm khác tại thửa đất số 211-a, tờ bản đồ số 326-B, diện tích đất tại thửa đất này hiện nay 167m² là do tôi (S) có nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Chinh năm 1993. Ngoài ra còn chuyển nhượng cho ông Thành, bà Yên 40m² đất ở để chữa bệnh cho bà Nhận nên không còn đất để phân chia cho bà Nhận. Phần tài sản trên đất là của ông với bà Đỗ Thị Thâm tạo lập sau này, không liên quan gì đến việc tranh chấp. Ông S đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Bứa, ông Nguyễn Văn Bảy, bà Nguyễn Thị Em thống nhất trình bày: Mẹ của các ông, bà là bà Phạm Thị Cầu được Nhà nước cân đối cấp diện tích đất chung hộ của ông S. Bà Cầu chết năm 2006 không để lại di chúc nên có yêu cầu chia di sản của bà Cầu, thống nhất giao tài sản được chia cho các nguyên đơn và ủy quyền cho ông Nguyễn Công M.

- Các bà Võ Thị Quế (*là vợ của ông Nguyễn Thơi là con ruột của bà Phạm Thị Cầu*), ông Nguyễn Ngọc Thùy, ông Nguyễn Ngọc Toàn, bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên, bà Nguyễn Thị Ngọc Út, bà Nguyễn Thị Ngọc Út (*là con ruột của ông Nguyễn Thơi và bà Võ Thị Quế*) có yêu cầu chia di sản của bà Phạm Thị Cầu, thống nhất giao tài sản được chia cho các nguyên đơn và ủy quyền cho ông Nguyễn Công M.

- Ông Nguyễn Văn Tư trình bày: Ông Tư là con ruột của ông Nguyễn Đẹp (*ông Đẹp là con ruột của bà Phạm Thị Cầu*) có yêu cầu chia di sản của bà Cầu, thống nhất giao tài sản được chia cho các nguyên đơn và ủy quyền cho ông Nguyễn Công M.

- Bà Phạm Thị Nhị (*là mẹ ruột của bà Trương Thị Nhận*) có yêu cầu chia di sản của bà Nhận gồm 40m² đất ở, 167m² đất vườn theo quy định pháp luật, thống nhất giao tài sản được nhận cho các nguyên đơn và ủy quyền cho ông Nguyễn Công M.

- Bà Đỗ Thị Thâm: Thống nhất theo trình bày của bị đơn về nguồn gốc đất và thống nhất với ý kiến của bị đơn, không đồng ý chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

- Ủy ban nhân dân xã Hòa An trình bày: Đối với diện tích đất 121m² tại tờ bản đồ số 326-B giáp với thửa đất số 221-a đang tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là đất hành lang an toàn giao thông do Ủy ban nhân dân xã Hòa An quản lý, đề nghị các hộ lấn chiếm tháo dỡ công trình trả lại. Việc tranh chấp giữa các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ủy ban nhân dân huyện Phú Hòa trình bày: Việc tranh chấp giữa các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, quyết định: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Công R về chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế.

2. Giao cho ông Nguyễn Công S được quyền quản lý sử dụng toàn bộ đất ở tại thửa số 215, tờ bản đồ 326-B với diện tích 40m²; tọa lạc tại thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; có giới cận: phía Đông giáp đất ông Thành, bà Hiên, phía Tây giáp đất trồng cây hàng năm khác, phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm khác đang tranh chấp, phía Bắc giáp xã lộ 21.

3. Giao cho ông S được quyền quản lý sử dụng toàn bộ đất trồng cây hàng năm khác tại thửa số 221-a, tờ bản đồ số 326-B với diện tích 167m²; tọa lạc tại thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; có giới cận: Đông giáp đất ông Thành, bà Hiên; Tây giáp đất trồng cây hàng năm khác (*đang tranh chấp*); Nam giáp đất ông Tạo, bà Ngân; Bắc giáp xã lộ 21 và đất ở thửa 215. Có sơ đồ kèm theo.

Ông S có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nếu phù hợp với quy hoạch chung và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Ông S có nghĩa vụ trả cho ông M, ông R số tiền là 37.500.000đ + 4.510.670đ = 42.010.670đ làm tròn 42.010.000đ, ông M được nhận 21.005.000đ, ông R được nhận 21.005.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

-Ngày 19/9/2023 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được nhận hiện vật là diện tích đất được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn;

-Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và yêu cầu định giá lại diện tích đất tranh chấp;

-Bị đơn: Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

-Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308

của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá lại tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế những thửa đất tại xã Hòa An, huyện Phú Hòa, đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo. Do đó, vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết theo quy định tại các Điều 38, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn xin nhận hiện vật là một phần diện tích đất tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy:

Năm 1998, hộ gia đình ông Nguyễn Công S được Nhà nước cân đối cấp đất theo Nghị định 64/CP gồm các thửa đất: Thửa số 731, tờ bản đồ số 302-C diện tích 376m²; thửa số 696, tờ bản đồ số 302-C diện tích 980m² (*đo đạc thực tế 896m²*); thửa số 340b, tờ bản đồ số 326-A diện tích 418m²; thửa số 57a, tờ bản đồ số 326A diện tích 166m²; thửa số 221a, tờ bản đồ số 326-B diện tích 123m² (*đo đạc thực tế 167m²*). Đối với thửa đất số 215, tờ bản đồ số 326-B diện tích 80m² được cân đối cho chủ hộ là ông Nguyễn Công S và bà Trương Thị Nhận, nhưng đã chuyển nhượng cho ông Thành, bà Yên 40m², nên chỉ còn lại 40m².

Như vậy, diện tích đất nguyên đơn tranh chấp gồm: 40m² đất ở, tại thửa số 215, tờ bản đồ 326-B và diện tích 167m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa số 221a, tờ bản đồ số 326-B, tọa lạc tại thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đến nay hiện trạng đất tranh chấp không thay đổi. Bị đơn ông Nguyễn Công S là người đang quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Theo Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp tại các Bút lục từ 254 đến Bút lục 257 và Bản vẽ hiện trạng chi tiết thửa đất tranh chấp từ các Bút lục 268 đến Bút lục 273 thì trên toàn bộ diện tích 288m² đất mà ông S đang quản lý, sử dụng, bao gồm 40m² đất ở và 167m² đất trồng cây hàng năm khác mà nguyên đơn tranh chấp thì bị đơn ông Nguyễn Công S đã xây dựng nhà ở kiên cố bằng bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 120,15m² và ông S còn xây dựng thêm nhà kho, nhà bếp và chái tôn.

Tại thời điểm giao đất, hộ gia đình ông Nguyễn Công S có 05 nhân khẩu gồm: Ông Nguyễn Công S, bà Trương Thị Nhận, bà Phạm Thị Cầu, ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Công R. Di sản là đất ở được chia cho mỗi người được hưởng thừa kế là 05m² và mỗi người thừa kế được chia đất hàng năm khác là 20,05m².

Xét thấy nguyên đơn yêu cầu được chia hiện vật quyền sử dụng đất, nhưng diện tích đất nguyên đơn được hưởng không đảm bảo đủ diện tích để tách thửa đất theo quy định của pháp luật và thực tế bị đơn ông S đã xây dựng nhà ở trên diện tích đất tranh chấp, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu định giá lại đất tranh chấp. Theo biên bản định giá tài sản ngày 15/3/2019 do Toà án nhân dân huyện PH thành lập thì kết quả định giá xác định đất ở có giá là 2.500.000đ/m²; đất hàng năm khác có giá là 37.000đ/m².

Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 18/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản do Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên thành lập xác định đất ở có giá trị là 6.000.000đ/m²; giá đất hàng năm khác có giá 37.000đ/m². Như vậy kết quả định giá lại tài sản chỉ xác định giá trị đất ở được tăng lên từ 2.500.000đ/m² lên thành 6.000.000đ/m², nhưng giá trị đất hàng năm khác vẫn không thay đổi.

Di sản là đất ở của bà Trương Thị Nhặt được xác định 20m², có giá trị là: 120.000.000đ, chia cho các đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị Nhị, ông Nguyễn Công S, ông Nguyễn Công M và ông Nguyễn Công R mỗi người được hưởng 5m² có giá trị là 30.000.000đ, nhưng bà Nhị cho lại ông M và ông R được hưởng. Ông S được nhận hiện vật, nên có nghĩa vụ thanh toán cho ông M và ông R số tiền là: 30.000.000đ x 03 người = 90.000.000đ.

Do đó, ông Nguyễn Công S phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Công M và ông Nguyễn Công R số tiền: 90.000.000đ (*Giá trị đất ở*) và 4.510.670đ (*Giá trị đất hàng năm khác*), tổng số tiền là: 94.510.670đ, làm tròn số 94.510.000đ, ông M và ông R mỗi người được nhận số tiền 47.255.000đ (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Từ các căn cứ đã nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu định giá lại tài sản và kết quả định đã thay đổi. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản tranh chấp.

[3] Các phần khác của Quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Toàn bộ yêu cầu kháng cáo kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST, ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên đối với phần nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản tranh chấp và phần án phí dân sự;

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 165 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Công R về chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế.

2. Giao cho ông Nguyễn Công S được quyền quản lý sử dụng toàn bộ đất ở tại thửa số 215, tờ bản đồ 326-B với diện tích 40m²; tọa lạc tại thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; có giới cận: phía Đông giáp đất ông Thành, bà Hiên, phía Tây giáp đất trồng cây hàng năm khác, phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm khác đang tranh chấp, phía Bắc giáp xã lộ 21.

3. Giao cho ông Nguyễn Công S được quyền quản lý sử dụng toàn bộ đất trồng cây hàng năm khác tại thửa số 221a, tờ bản đồ số 326-B với diện tích 167m²; tọa lạc tại thôn Phú Ân, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; có giới cận: phía Đông giáp đất ông Thành, bà Hiên, phía Tây giáp đất trồng cây hàng năm khác (đang tranh chấp), phía Nam giáp đất ông Tạo, bà Ngân, phía Bắc giáp xã lộ 21 và đất ở thửa 215. Có sơ đồ kèm theo (sơ đồ này là một phần không tách rời bản án)

Ông Nguyễn Công S có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nếu phù hợp với quy hoạch chung và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Tuyên theo nội dung của bản án sơ thẩm)

4. Ông Nguyễn Công S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Công M và ông Nguyễn Công R số tiền: 90.000.000đ (*Giá trị đất ở*) và 4.510.670đ (*Giá trị đất hàng năm khác*), tổng số tiền là: 94.510.670đ, làm tròn số 94.510.000đ (*Chín mươi bốn triệu năm trăm mười nghìn đồng*), ông M và ông R mỗi người được nhận số tiền 47.255.000đ (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Công M phải chịu 2.362.000đ (*Ba triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), ông Nguyễn Công R phải chịu 2.362.000đ (*Ba*

triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Công R đã nộp chung 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 4961 ngày 25/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa. Nên ông R và ông M mỗi người còn phải chịu 2.262.000đ (*Hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Công S phải chịu án phí dân sự số tiền 4.725.000đ (*Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Bứa, ông Nguyễn Văn Bảy, bà Nguyễn Thị Em không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa cụ thể: Bà Nguyễn Thị Bứa 300.000đ theo biên lai thu số 0005978, ông Nguyễn Văn Bảy 300.000đ theo biên lai thu số 0005979, bà Nguyễn Thị Em 300.000đ theo biên lai thu số 5977 ngày 07/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Đối với án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Công M và ông Nguyễn Công R mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền ông M và ông R mỗi người đã nộp tạm ứng 300.000đ tại các Biên lai thu số 0010221 và Biên lai thu số 00020222, cùng ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Giải quyết theo bản án sơ thẩm số 49/2023/DS-ST, ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện PH.

Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn yêu cầu định giá lại tài sản, nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền: 5.650.000đ (*Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), đã nộp đủ và chi phí xong.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND huyện PH;
- Phòng NVKT&THA;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THA huyện PH;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần M Quang